



-----☞ ☝-----
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH ĐẾN 31/12/2022

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại điều 44 trong Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần may Sài Gòn 2 (nhiệm kỳ V).

Qua thẩm tra báo cáo tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty cổ phần may Sài Gòn 2 lập ngày 31 tháng 3 năm 2023 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES) kiểm toán cùng các chứng từ, sổ sách kế toán, tài liệu có liên quan do Phòng Kế toán Công ty cung cấp; Ban Kiểm soát có ý kiến về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty như sau:

I/ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

Doanh thu kế hoạch năm 2022 là: **30 tỷ đồng**.

Doanh thu thuần thực hiện năm 2022 là: 35.672.847.393 đồng (bao gồm doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác), đạt tỷ lệ 118,91% so với kế hoạch năm 2022 là 30 tỷ đồng, đạt 134,32% so với doanh thu thuần thực hiện năm 2021 là: 26.558.543.880 đồng, tăng 34,32%.

Lợi nhuận thực hiện năm 2021 là: -2.080.700.054 đồng.

Lợi nhuận thực hiện năm 2022 là: -1.516.801.380 đồng.

Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2022 (2)	THỰC HIỆN NĂM 2021 (1)	Tỷ lệ so sánh 2/1
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	35.786.572.910	26.624.135.681	134,41%
02	Các khoản giảm trừ	142.128.552	68.615.429	207,14%
03	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	35.644.444.358	26.555.520.252	134,23%
04	Giá vốn hàng bán	17.012.150.914	12.780.356.450	133,11%
05	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.632.293.444	13.775.163.802	135,26%
06	Doanh thu hoạt động tài chính	28.403.035	3.023.628	939,37%
07	Chi phí tài chính	3.038.763.334	3.537.122.213	85,91%
	<i>Trong đó Chi phí lãi vay NH</i>	<i>3.005.867.334</i>	<i>3.540.498.213</i>	<i>84,90%</i>
08	Chi phí bán hàng	2.492.585.523	1.701.136.303	146,52%
09	Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.300.614.972	10.528.709.049	135,82%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-1.171.267.350	-1.988.780.135	58,89%
11	Thu nhập khác	-	-	
12	Chi phí khác	345.534.030	91.919.919	375,91%
13	Lợi nhuận khác	-345.534.030	-91.919.919	
14	Tổng lợi nhuận KT trước thuế	-1.516.801.380	-2.080.700.054	72,9%
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	

16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	-1.516.801.380	-2.080.700.054
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-5.114	-7.016
19	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	-5.114	-7.016

II/ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022:

Đơn vị tính: đồng

I- Tổng cộng tài sản:	55.261.319.939
A- Tài sản ngắn hạn:	13.256.996.062
1- Tiền và các khoản tương đương tiền:	831.239.563
2- Các khoản phải thu ngắn hạn:	2.453.336.141
3- Hàng tồn kho:	9.819.659.819
4- Tài sản ngắn hạn khác:	152.760.539
B- Tài sản dài hạn:	42.004.323.877
1- Tài khoản phải thu dài hạn:	24.504.084
2- Tài sản cố định:	41.633.236.501
<i>Trong đó: - Nguyên giá TSCĐ:</i>	<i>106.814.863.186</i>
<i>- Giá trị hao mòn TSCĐ:</i>	<i>(65.181.636.685)</i>
3- Bất động sản đầu tư:	-
4- Tài sản dở dang dài hạn:	-
5- Đầu tư tài chính dài hạn:	32.472.000
6- Tài sản dài hạn khác:	314.111.292
II- Tổng cộng nguồn vốn:	55.261.319.939
A- Nợ phải trả:	53.599.929.610
1- Nợ ngắn hạn:	30.158.041.410
<i>Trong đó: - Vay NH và nợ ngắn hạn:</i>	<i>18.121.488.004</i>
<i>- Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	<i>(754.936.935)</i>
2- Nợ dài hạn:	23.441.888.200
<i>Trong đó: - Vay NH và nợ dài hạn:</i>	<i>16.000.000.000</i>
B- Nguồn vốn chủ sở hữu:	1.661.390.329
1- Vốn chủ sở hữu:	1.661.390.329
<i>Trong đó: - Vốn đầu tư của chủ sở hữu:</i>	<i>30.000.000.000</i>
<i>- Thặng dư vốn cổ phần:</i>	<i>3.624.444.518</i>
<i>- Cổ phiếu quỹ:</i>	<i>(394.234.518)</i>
<i>- Quỹ đầu tư phát triển:</i>	<i>6.891.585.433</i>
<i>- Lợi nhuận chưa phân phối:</i>	<i>(38.517.937.777)</i>
<i>- Nguồn vốn đầu tư XDCB:</i>	<i>57.532.673</i>
2- Nguồn kinh phí, quỹ khác:	-

Một số chỉ tiêu phân tích tài chính:

- TSDH/ tổng số tài sản (%):	76,01 %
- TSNH/ tổng số tài sản (%):	23,99 %
- Tỷ lệ nợ phải trả so với toàn bộ tài sản (%):	96,99 %
- Khả năng thanh toán nợ hiện hành:	
+ Tổng cộng tài sản / nợ phải trả (lần):	1,03
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn:	
+ Tài sản ngắn hạn / nợ ngắn hạn (lần):	0,44
- Khả năng thanh toán nợ nhanh:	
+ Tiền hiện có / nợ ngắn hạn (lần):	0,03

III/ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN SAU THUẾ – CHIA CỖ TỨC:

Tình hình kinh doanh năm 2022 không hiệu quả nên không có lợi nhuận.

Lợi nhuận thực hiện trước thuế năm 2022 là: -1.516.801.380 đồng

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là: 0 đồng

Lợi nhuận thực hiện sau thuế là: -1.516.801.380 đồng

Năm 2015 Công ty lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2021 là -37.001.136.397 đồng.

Vậy số lũy kế lỗ đến 31/12/2022 là -38.517.937.777 đồng, Công ty tiếp tục bù vào năm sau. Do vậy năm 2022 Công ty không chia cổ tức.

Tình hình tài chính của Công ty vẫn còn nhiều khó khăn, nguồn vốn chủ yếu là vốn vay; Để đạt hiệu quả kinh doanh cao hơn, từng bước giải quyết những khó khăn về tình hình tài chính của Công ty, đề nghị Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tiếp tục tìm kiếm đơn hàng có đơn giá tốt, sớm giải quyết thành phẩm – hàng hóa tồn kho; tìm kiếm đối tác liên doanh, liên kết nhằm sử dụng hiệu quả mặt bằng tại xí nghiệp may Trung Lập Phú; đồng thời chỉ đạo việc thực hành tiết kiệm tối đa các khoản chi phí, thực hiện tốt công tác quản lý nhằm tăng doanh thu và lợi nhuận./.

Trưởng Ban Kiểm soát : Đặng Thị Thu Hằng

Thành viên Ban Kiểm soát : Ngô Văn Ất

Thành viên Ban Kiểm soát : Bùi Mỹ Lệ

Nơi nhận:

- Hội đồng Quản trị,
- Ban Giám đốc,
- Phòng Kế toán,
- Lưu BKS.